TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-04-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh C; nơi cư trú: Đội 3 thôn H, xã T, huyện K, thành phố H; vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh IM JONG U; địa chỉ: 1209, G, B, G, G, H; vắng mặt.

NỘI DUG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh C trình bày: Chị và anh IM JONG U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban huyện K, thành phố H vào ngày 07 tháng 11 năm 2019.

Sau khi kết hôn chị và anh IM JONG U có chung sống với nhau 1 tuần tại K, H, sau đó anh IM JONG U trở về Hàn Quốc để bảo lãnh cho chị sang để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chồng chị cũng không bảo lãnh được cho chị sang H. Do hai vợ chồng ở cách xa nhau mỗi người một nơi nên không còn tin tưởng và quan tâm đến nhau nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã sống ly thân thời gian dài nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố

H giải quyết cho chị được ly hôn với anh IM JONG U.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh IM JONG U trình bày: Anh và chị C quen biết nhau qua mai mối, sau một thời gian tìm hiểu hai bên quyết định kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện K, thành phố H vào ngày 07/11/2019.

Sau khi kết hôn anh trở về H và làm thủ tục bảo lãnh cho chị C sang H để vợ chồng đoàn tụ. Thời gian này hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý, chênh lệch tuổi tác nên cách suy nghĩ khác nhau, hai bên không còn tin tưởng nhau nữa. Đồng thời vì một số lý do nên anh không bảo lãnh cho chị C sang đoàn tụ cùng anh tại H. Thời gian đầu về H anh thường xuyên liên lạc với chị C, sau do mâu thuẫn nên hai vợ chồng ít liên lạc với nhau, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nên hai vợ chồng không liên lạc với nhau nữa. Nay anh đề nghị Toà án nhân dân thành phố H giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh C.

Về con chung: Anh và chị C không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị C không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đại diện gia đình và đại diện chính quyền địa phương thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh IM JONG U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện K, thành phố H vào ngày 07/11/2019. Sau khi kết hôn anh IM JONG U có ở lại K một tuần rồi về H. Thời gian đầu chị C và anh IM JONG U vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại nhưng thỉnh thoảng có thấy hai vợ chồng mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Khoảng 2 năm trở lại đây hai vợ chồng không thấy liên lạc với nhau nữa. Nay chị C và anh IM JONG U xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Hai vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Theo đại diện gia đình thì hai vợ chồng không có tài sản chung, còn ý kiến của chính quyền địa phương không nắm được anh chị có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy

định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đầy đủ quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án đã thu thập thể hiện mâu thuẫn của chị C và anh IM JONG U đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh C và anh IM JONG U.

Về con chUg và tài sản chung: Hai vợ chồng không có con chung và tài sản chUg nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn thì chị Nguyễn Thị Minh C hiện sinh sống tại Đội 3 thôn H, xã T, huyện K, thành phố H; anh IM JONG U đang cư trú tại: 1209, Galgye-ri, Buksang-myeon, G- gU, G, H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh C và anh IM JONG U tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ vào lời khai trình bày của chị C và anh IM JONG U cũng như việc thu thập chứng cứ của Tòa án, HĐXX xác định vợ chồng xảy mâu thuẫn do hai vợ chồng chênh lệch về tuổi tác nên không hợp nhau quan điểm sống, hai vợ chồng sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị C xin ly hôn thì anh IM JONG U cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chUg: Hai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh IM JONG U xác định không có tài sản chUg, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh C và anh IM JONG U.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị C đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0006411 ngày 13 tháng 03 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Minh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Anh IM JONG U có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- UBND huyện K, H (GCNKH ngày 07/11/2019);
- Cục THA dân sự TP H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Hồng